

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2025

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Ngọc Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Lộc

2. Ông Ong Văn Đủ

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 247/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Kim Th**, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp L, xã H, tỉnh Cà Mau).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp L, xã H, tỉnh Cà Mau).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà **Trần Kim Th** trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn S kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cà Mau) vào ngày 23/12/2003. Thời gian đầu bà và ông S chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hòa hợp và hạnh

phúc, bà và ông S đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 cho đến nay. Nay, xét thấy hôn nhân giữa bà và ông S không còn hòa hợp và hạnh phúc, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn S có hai người con chung tên: Nguyễn Duy L, sinh ngày 29/01/1994 và Nguyễn Nhật Th1, sinh ngày 09/6/2002; hiện cả hai con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn S không có tài sản chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn S không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng ông bà, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là ông Nguyễn Văn S được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, đã hết thời hạn theo quy định pháp luật mà ông S không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của bà Trần Kim Th. Đồng thời, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Nguyễn Văn S vắng mặt không lý do nên không tiến hành hòa giải được, cũng như nghe ý kiến của ông S về yêu cầu ly hôn của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Kim Th và ông Nguyễn Văn S là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Xin ly hôn”, bị đơn có nơi cư trú tại ấp L, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là ấp L, xã H, tỉnh Cà Mau) nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông Nguyễn Văn S vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim Th và ông Nguyễn Văn S tự nguyện tiến đến hôn nhân, căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau (Nay là xã H, tỉnh Cà Mau) ký vào ngày 23/12/2003 nên đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông S là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Theo bà Th trình bày thì thời gian đầu bà và ông S chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên cự cãi, hôn nhân không còn hòa hợp và hạnh phúc, bà và ông S đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019 cho đến nay; nay, xét thấy hôn nhân giữa bà và ông S không còn hòa hợp và hạnh phúc, không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn S. Đối với ông Nguyễn Văn S, trong quá trình tố tụng ông S đã nhận biết được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhưng ông S không đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Trần Kim Th, như vậy ông S đã từ bỏ quyền chứng minh của mình theo quy định tại Điều 91 Bộ Luật tố tụng dân sự, đồng thời không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân đối với bà Th. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Trần Kim Th và ông Nguyễn Văn S đã không còn, bà Th cương quyết ly hôn, ông S biết được sự việc nhưng không có thiện chí hàn gắn, cả hai đã không sống chung như vợ chồng từ năm 2019 cho đến nay, bỏ mặc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều này cho thấy hôn nhân giữa bà Th và ông S đã không còn hạnh phúc và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Th là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Theo bà Trần Kim Th trình bày thì trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn S có hai người con chung tên: Nguyễn Duy L, sinh ngày 29/01/1994 và Nguyễn Nhật Th1, sinh ngày 09/6/2002; hiện cả hai con đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, ông S không có ý kiến gì, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Theo bà Trần Kim Th trình bày thì trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn S không có tài sản chung, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông S không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ thu, nợ trả: Theo bà Trần Kim Th trình bày thì trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Văn S không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông S không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim Th. Bà Trần Kim Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Con chung tên Nguyễn Duy L, sinh ngày 29/01/1994 và con chung tên Nguyễn Nhật Th1, sinh ngày 09/6/2002 đã trưởng thành, không mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, bà Trần Kim Th không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, ông Nguyễn Văn S không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ thu, nợ trả: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Kim Th phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019498 ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Bà Trần Kim Th có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 4 - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 - Cà Mau;
- UBND xã H, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Ngọc Huyền